TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2023/HNGĐ - ST Ngày: 27-4-2023 V/v: "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh P

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 683/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc H, sinh năm 1981

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số nhà 30, tổ 7, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Võ Ngọc H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành P xây dựng gia đình với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 4 năm 2000. Nay chị khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Nguyên nhân chị H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Về con chung: Chị và anh P có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 08/6/2007. Đối với cháu P đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi bản thân nên chị không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nếu ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu D và cháu B; chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H khai tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có.

Bị đơn anh Nuyễn Thàng P không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: giao 02 con chung là cháu D và cháu B cho chị H được quyền nuôi dưỡng, tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu P đã thành niên nên không xem xét về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Ngọc H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Công an thị trấn Hiệp Phước xác nhận anh Nguyễn Thành P hiện đang cư trú tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai và anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thàng P và chị Võ Ngọc H xây dựng gia đình với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2000, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn với anh P với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Phước thể hiện địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh P. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh P biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh P vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh P và chị H đoàn tụ. Qua ý kiến của chị H thể hiện chị H và anh P chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh P có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phúc, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Ngọc Diệp, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo, sinh ngày 08/6/2007. Đối với cháu Phúc đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi bản thân nên chị H không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Diệp và cháu Bảo; anh P cũng không có yêu cầu tranh chấp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cần đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của cháu Diệp và cháu Bảo nên Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Diệp và cháu Bảo cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Ngọc H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của chị Võ Ngọc H với anh Nguyễn Thành P.

Xử cho chị Võ Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 08/6/2007 cho chị Võ Ngọc H nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Nguyễn Thành P không cấp dưỡng con.

Anh Nguyễn Thành P được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009629 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm